

ĐA DẠNG TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI RỪNG HÒN ĐẤT - KIÊN HÀ, HUYỆN KIÊN LƯƠNG, TỈNH KIÊN GIANG

Ngô Thị Minh Huyền^{1*}, Lý Ngọc Sâm^{1,2}, Cao Ngọc Giang¹,
Trần Minh Ngọc¹, Trần Thị Liên¹, Nguyễn Minh Hùng¹,
Nguyễn Xuân Trường¹, Lê Đức Thanh¹, Hoàng Thị Như Nụ¹

TÓM TẮT

Huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang có nguồn tài nguyên thực vật rừng tương đối phong phú, bao gồm hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên cạn (vùng đồi núi, ven biển, hải đảo) và hệ sinh thái rừng ngập mặn. Thảm thực vật rừng, đồi núi nơi đây đã tạo nên nhiều cảnh quan thiên nhiên rất đặc sắc và là nơi sinh sống của các loài động, thực vật tương đối đa dạng và quý hiếm. Trong thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019 nhóm nghiên cứu được liệu của Viện Dược liệu đã thiết lập 8 tuyến điều tra đa dạng thành phần loài. Kết quả đã xác định được 308 loài có giá trị làm thuốc thuộc 244 chi, 92 họ, 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Tuế (Cycadophyta), ngành Dây Gắm (Gnetophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Có 7 loài có tên trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019), Sách Đỏ Việt Nam (2007) và 4 loài cây thuốc nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP nhằm hạn chế khai thác, buôn bán vì mục đích thương mại cho khu hệ thực vật rừng Hòn Đất - Kiên Hà.

Từ khóa: Dược liệu, đa dạng cây thuốc, Kiên Lương, thực vật.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Kiên Lương có diện tích tự nhiên toàn huyện 47.284,74 ha, có 7.870,52 ha đất lâm nghiệp, đứng thứ 5 sau các huyện Phú Quốc, U Minh Thượng, Hòn Đất, An Minh. Hầu hết diện tích đất lâm nghiệp đều là đất đã có rừng, trong đó, rừng đặc dụng 955,98 ha, rừng phòng hộ 1.924,8 ha, rừng sản xuất 4.989,74 ha. Tài nguyên thực vật rừng tương đối phong phú, thảm thực vật rừng đồi núi đã tạo nên nhiều cảnh quan thiên nhiên rất đặc sắc tạo sức hấp dẫn cho phát triển du lịch như Hòn Chông, Ba Hòn, Dương Hòa, Sơn Hải, Hòn Nghê. Mặt khác, các khu rừng này đang là nơi sinh sống của các loài thực vật và động vật rừng tương đối đa dạng và quý hiếm đặc biệt trong đó có rất nhiều loài thực vật có giá trị làm thuốc. Chính vì vậy đã tiến hành điều tra nguồn tài nguyên cây thuốc ở rừng Hòn Đất - Kiên Hà nhằm cung cấp dẫn liệu về nguồn tài nguyên cây thuốc ở rừng Hòn Đất - Kiên Hà làm cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên này.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các loài thực vật có mạch, có công dụng làm thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian điều tra: Từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019.

- Địa điểm điều tra: Rừng Hòn Đất - Kiên Hà, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bảng 1. Các tuyến điều tra tại Rừng Hòn Đất - Kiên Hà

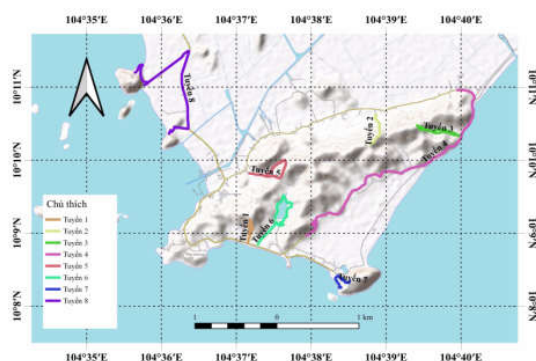
STT	Kế hoạch khảo sát	Địa điểm điều tra
1	Tuyến 1	Khu ấp 3 trại
2	Tuyến 2	Khu ấp rẫy mới
3	Tuyến 3	Khu Bình Trị, xóm Khi
4	Tuyến 4	Rạch Đùng
5	Tuyến 5	Quanh khu vực ban quản lý
6	Tuyến 6	Khu vực hồ nước ngọt ấp 3 trại
7	Tuyến 7	Khu vực chùa Hang
8	Tuyến 8	Khu Mo So, Bà Tài

¹ Viện Dược liệu

² Viện Sinh học Nhiệt đới

³ Học viện Khoa học và Công nghệ

Để thu mẫu một cách đầy đủ và đại diện cho một khu nghiên cứu, không thể đi hết các điểm trong khu nghiên cứu, vì thế việc chọn tuyến và địa điểm thu mẫu là hết sức cần thiết. Đề tài xây dựng các tuyến điều tra như sau (Bảng 1 và hình 1).



Hình 1. Bản đồ vị trí các tuyến điều tra ở Hòn Đất - Kiên Hà

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung để điều tra cây thuốc áp dụng theo “Quy trình điều tra dược liệu” của Viện Dược liệu (2006).

- Điều tra theo tuyến: Trên thực địa để xác định và thu thập được đầy đủ nhất số loài cây thuốc hiện có ở mỗi khu vực nghiên cứu, bản đồ địa hình và hiện trạng rừng Hòn Đất - Kiên Hà và máy định vị (GPS) được sử dụng để xác định các điểm và các tuyến điều tra, 8 tuyến điều tra đã được thiết lập đi qua các kiểu thảm thực vật trong rừng Hòn Đất -

Kiên Hà. Thu mẫu tiêu bản và ghi nhận tất cả các loài cây thuốc ghi nhận được ở dọc hai bên tuyến trong phạm vi mỗi bên 10 m.

- Tên khoa học các loài cây thuốc được định danh theo phương pháp so sánh hình thái truyền thống dựa trên các tài liệu sẵn có về hệ thực vật và tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam như: Đỗ Tất Lợi (2006), Võ Văn Chi (2012), Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000), Viện Dược liệu (2016) và được điều chỉnh và cập nhật lại mới theo danh pháp quốc tế dựa vào các website dữ liệu chuyên ngành thực vật như: the plantlist, IPNI.

- Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc: theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc (2019), Nghị định 06/2019/NĐ - CP.

- Phương pháp phân loại dạng sống dựa theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) và Võ Văn Chi (2012).

- Thu mẫu tiêu bản cây thuốc: Các tiêu bản cây thuốc được thu thập và xử lý theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) và được lưu giữ tại Phòng tiêu bản, Khoa Tài nguyên Dược liệu, Viện Dược liệu.

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu thu thập các thông tin tài nguyên cây thuốc từ ô tiêu chuẩn được nhập và xử lý bằng phần Microsoft Excel version 2010 để đánh giá tính đa dạng thành phần loài cây thuốc.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng số loài cây thuốc ghi nhận được

Bảng 2. Số lượng loài cây thuốc trong các ngành thực vật tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

STT	Ngành và Lớp	Họ		Chi		Loài		Mọc tự nhiên	Trồng
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%		
1	Ngành Dương xỉ - Pteridophyta	10	10,86	13	5,33	17	5,52	17	0
2	Ngành Tuế - Cycadophyta	1	1,09	1	0,41	1	0,32	1	0
3	Ngành Dây Gắm - Gnetophyta	1	1,09	1	0,41	2	0,65	2	0
4	Ngành Ngọc lan - Magnoliophyta	80	86,96	229	93,85	288	93,51	256	32
4.1	Lớp Hành - Liliopsida	17	18,48	36	14,75	43	13,96	34	9
4.2	Lớp Ngọc lan - Magnoliopsida	63	68,48	193	79,10	245	79,55	222	23
	Tổng số	92	100	244	100	308	100	276	32

Trên cơ sở tổng hợp các kết quả nghiên cứu và từ các dữ liệu thu thập từ điều tra trong dân và khảo sát thực địa, các mẫu vật thu thập được sau khi xử lý, phân tích và tổng hợp, nghiên cứu đã ghi nhận được ở rừng Hòn Đất - Kiên Hà có 308 loài cây thuốc thuộc 244 chi, 92 họ thuộc 4 ngành thực vật. Trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài

cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu chế vượt trội với 288 loài (chiếm khoảng 93,51% tổng số loài cây thuốc đã ghi nhận được), 229 chi (chiếm 93,85%), 80 họ (chiếm 86,96%). Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 17 loài (chiếm 5,52%), 13 chi (chiếm 5,33%) thuộc 10 họ (chiếm 10,86%). Ngành Dây Gắm (Gnetophyta) và ngành Tuế (Cycadophyta) với số lượng rất thấp

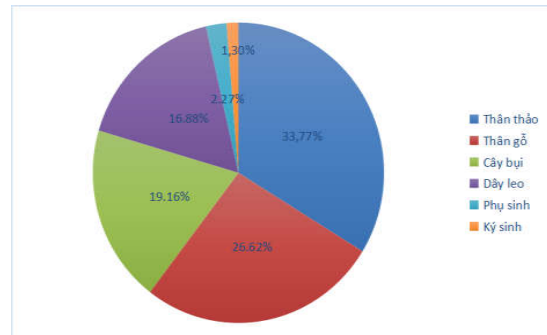
với số loài, số chi và họ lần lượt là: Ngành Dây Gắm 2 loài (chiếm 0,65%), 1 chi (chiếm 0,41%) và 1 họ (chiếm 1,09%), ngành Tuế với 1 loài (chiếm 0,32%), 1 chi (chiếm 0,41%) và 1 họ (chiếm 1,09%). Các loài thực vật dùng làm thuốc phần lớn phân bố trong tự nhiên (Bảng 2).

3.2. Sự phong phú về dạng sống

Với 6 dạng sống được phân loại điều này cho thấy tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà có hệ thực vật được dùng làm thuốc khá đa dạng và phong phú thể hiện qua kết quả thống kê (Hình 2).

Như vậy, cây thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà chủ yếu là nhóm cây thân cỏ 104 loài ($\approx 33,77\%$); nhóm cây thân gỗ 82 loài ($\approx 26,62\%$); nhóm cây thân bụi và nhóm cây thân leo gần như tương đồng về số loài lần lượt là 59 loài ($\approx 19,16\%$) và 52 loài ($\approx 16,88\%$);

nhóm cây sống phụ với 7 loài ($\approx 2,27\%$); nhóm cây sống ký sinh chiếm tỷ lệ thấp nhất là 4 loài ($\approx 1,30\%$).



Hình 2. Đa dạng dạng sống các loài cây thuốc ở rừng Hòn Đất - Kiên Hà

3.3. Sự phong phú và đa dạng ở các bậc taxa

Bảng 3. Các họ thực vật có nhiều loài cây thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

STT	Họ thực vật	Tên Việt Nam	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Apocynaceae	Họ Trúc đào	17	5,52
2	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu	15	4,87
3	Compositae	Họ Cúc	13	4,22
4	Malvaceae	Họ Bông	12	3,90
5	Rubiaceae	Họ Cà phê	12	3,90
6	Leguminosae	Họ Đậu	12	3,90
7	Phyllanthaceae	Họ Diệp hạ châu	11	3,57
8	Moraceae	Họ Dâu tằm	11	3,57
9	Acanthaceae	Họ Ô rô	10	3,25
10	Lamiaceae	Họ Hoa môi	10	3,25
	Tổng số		123	

Như trên đã đề cập, tổng số 308 loài cây thuốc thuộc 244 chi, 92 họ thuộc bốn ngành thực vật. Trong đó có 10 họ giàu loài nhất có từ 10 loài đến 17 loài (Bảng 3).

Trong số 10 họ giàu loài thì họ Trúc đào (Apocynaceae) có số lượng loài nhiều nhất 17 loài chiếm 5,52%, nhiều loài trong họ này là những cây thuốc là vị thuốc phổ biến trong y học cổ truyền có giá trị như Guôi (*Willughbeia edulis* Roxb.), Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas* (Lour.) Merr.), ngoài ra có một số loài cây thuốc mọc tự nhiên có tiềm năng khai thác như Bông bông lá hen (*Calotropis gigantea* (L.) Dryand), đặc biệt có một loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục Đỏ Việt Nam (2007) là Tiết căn (*Sarcostemma acidum* (Roxb.) Voigt) với bậc đe dọa EN B1+2a. Họ Cúc (Compositae) đứng thứ 2 về số lượng là 15 loài chiếm 4,87% với các loài cây thuốc thông dụng như Bạch

đầu ông (*Cyanthillium cinereum* (L.) H. Rob.), Cỏ mực (*Eclipta prostrata* (L.) L.), Đon kim (*Bidens pilosa* L.) là những cây có tiềm năng khai thác từ tự nhiên. Họ Bông (Malvaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Đậu (Leguminosae) với số loài bằng nhau là 12 loài chiếm 3,90% mỗi họ, trong đó họ Đậu Leguminosae với các loài khá phổ biến có tiềm năng khai thác như: Thảo quyết minh (*Senna tora* (L.) Roxb.), Diên điển tử (*Sesbania sericea* (Willd.) Link), Muồng trâu (*Senna alata* (L.) Roxb.), Đậu cò biển (*Canavalia rosea* (Sw.) DC.)... Họ Bông (Malvaceae) với một số cây thuốc như: Cối xay (*Abutilon indicum* (L.) Sweet), Tra làm chiếu (*Hibiscus tiliaceus* L.), Dó trỉn (*Helicteres viscida* Blume), Cò ke (*Grewia tomentosa* Juss.)... Họ Cà phê (Rubiaceae) với các loài có giá trị như Câu đằng (*Uncaria scandens* (Sm.) Hutch.), Gáo trắng (*Neolamarckia cadamba* (Roxb.) Bosser)... đặc biệt với 3 loài Xú hương (*Lasianthus*

sp1., *Lasianthus* sp2., *Lasianthus* sp3.) được sử dụng theo kinh nghiệm dân gian tại đây dùng để trị sốt, lợi sữa, mát, mọc tóc và sưng phù... Họ Diệp hạ châu (Phyllanthaceae) với 11 loài như Chối môi nhon (*Antidesma bunius* (L.) Spreng.), Nổ trắng (*Flueggea virosa* (Roxb. ex Willd.) Royle), Bọt ếch (*Glochidion littorale* Blume)..., họ Dâu tằm (Moraceae) với 11 loài với các cây thuốc thuộc chi *Ficus* chiếm phần lớn như Sung (*Ficus hispida* L.f.), Lâm vồ (*Ficus rumphii* Blume), Gừa (*Ficus microcarpa* L.f.), Da bông (*Ficus tinctoria* G. Forst.)..., họ Ô rô (Acanthaceae) với 10 loài đặc trưng như của họ như Ô rô (*Acanthus ebracteatus* Vahl), Ô rô nước (*Acanthus ilicifolius* L.), đặc biệt tại đây có một số cây đặc trưng của vùng ngập mặn như: Mắm trắng (*Avicennia marina* (Forssk.) Vierh.), Mắm đen (*Avicennia officinalis* L.) ngoài giá trị dược liệu thì đây còn là những loài thực vật rất quan trọng giúp phòng hộ những khu vực ngập mặn và đồng bằng ven biển của nước ta, họ Bạc hà (Lamiaceae) với 10 loài có cây trồng phổ biến ngoài làm thuốc còn sử dụng làm gia vị như Hương nhu tía (*Ocimum tenuiflorum* L.), Húng Quế (*Ocimum basilicum* L.) bên cạnh đó với nhiều loài cây thuốc mọc tự nhiên có tiềm năng khai thác như Ế lớn đầu (*Hyptis capitata* Jacq.), Vọng cách (*Premna serratifolia* L.)... và đặc biệt cây thuốc Ngọc nữ biển (*Volkameria inermis* L.) ngoài tiềm năng khai thác thì Ngọc nữ biển với các hoạt chất có giá trị dược liệu trong lá có alkaloid, flavonoid, tannin, triterpenoid, saponin, coumarin, anthraquinon, tinh dầu. Trong đó có hispidulin là một flavonoid chính từ lá Ngọc nữ biển được chứng minh có các tác dụng như chống oxy hóa, chống ung thư, hạ đường huyết, kháng viêm, bảo vệ gan, chống

động kinh... Có thể thấy đây là một dược liệu có tiềm năng cần tiếp tục nghiên cứu về tác dụng sinh học để có thể sử dụng nguồn dược liệu này trong hỗ trợ điều trị bệnh cho cộng đồng.

Số còn lại 82 họ mỗi họ ghi nhận được từ 1 đến 9 loài cây thuốc. Trong số này có 1 số họ có giá trị về mặt bảo tồn như họ Phong lan (Orchidaceae) và một số họ với các loài thuộc diện cây thuốc quý hiếm cần bảo vệ các loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc (2019) và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.

3.4. Xác định các loài cây thuốc quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng và các loài có tiềm năng khai thác tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

Kết quả điều tra (Bảng 4, hình 3) đã xác định được 11 loài thuộc 8 họ là những cây thuốc thuộc diện bảo tồn tại Việt Nam hiện nay trong đó có 7 loài quý hiếm, đáng chú ý có 1 loài đang ở mức cực kỳ nguy cấp là - CR là Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre ex Lecomte), 1 loài đang ở mức độ nguy cấp - EN là Tiết căn (*Sarcostemma acidum* (Roxb.) Voigt) và 5 loài sắp nguy cấp - VU bao gồm: Thần phục (*Homalomena pierreana* Engl.), Nưa chân vịt (*Tacca palmata* Blume), Cúc đỏ (Cóc đỏ) (*Lumnitzera littorea* (Jack) Voigt), Bình tráp (*Actinostemma tenerum* Griff.), Nguyệt quới nhẵn (*Murraya glabra* (Guillaumin) Swingle). 4 loài thuộc Nghị định 06/2019/NĐ-CP như: Lan lô hội (*Cymbidium aloifolium* (L.) Sw.), Thạch斛 (*Dendrobium crumenatum* Sw.), Bình vôi (*Stephania rotunda* Lour.), Tuế lược (Tuế Hà Tiên) (*Cycas clivicola* K. D. Hill).

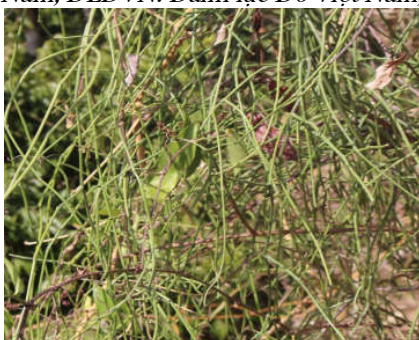
Bảng 4. Thành phần loài cây thuốc quý hiếm cần ưu tiên bảo tồn tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN, 2007	DLĐVN, 2007	DLĐ cây thuốc, 2019	NĐ 06/2019 NĐ-CP
1	Tiết căn	<i>Sarcostemma acidum</i> (Roxb.) Voigt	EN B1+2a	EN B1+2a		
2	Thần phục	<i>Homalomena pierreana</i> Engl.	VU Alc, B1+2b, c	VU A1c, B1+2b, c		
3	Cúc đỏ	<i>Lumnitzera littorea</i> (Jack) Voigt	VU Ala, c, d	VU A1a, c, d		
4	Bình tráp	<i>Actinostemma tenerum</i> Griff.	VU Alc, d	VU A1c, d		
5	Tuế lược	<i>Cycas clivicola</i> K.D.Hill				Nhóm IIA
6	Nưa chân vịt	<i>Tacca palmata</i> Blume	VU Ala, c, d	VU A1a, c, d		

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

7	Bình vôi	<i>Stephania rotunda</i> Lour.				Nhóm IIA
8	Lan lô hội	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.				Nhóm IIA
9	Thạch hộc	<i>Dendrobium crumenatum</i> Sw.				Nhóm IIA
10	Nguyệt quới nhân	<i>Murraya glabra</i> (Guillaumin) Swingle	VU Ala, c, d	VU A1a, c, d		
11	Dó bầu	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	EN Alc, d, B1+2b, c, e	EN A1c,d, B1+2b, c, e	CR A1a, c, d	

Ghi chú: VU (Vulnerable) - Sắp nguy cấp; EN (Endangered) - Đang bị nguy cấp; CR (Critically Endangered) - Đang cực kỳ nguy cấp; Nhóm IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. SĐVN: Sách Đỏ Việt Nam; DLĐVN: Danh lục Đỏ Việt Nam; DLĐ: Danh lục Đỏ; NĐ: Nghị định.



Tiết căn

Sarcostemma acidum (Roxb.) Voigt



Thần phục

Homalomena pierreana Engl.



Cóc đỏ

Lumnitzera littorea (Jack) Voigt



Tuế lược

Cycas clivicola K.D.Hill



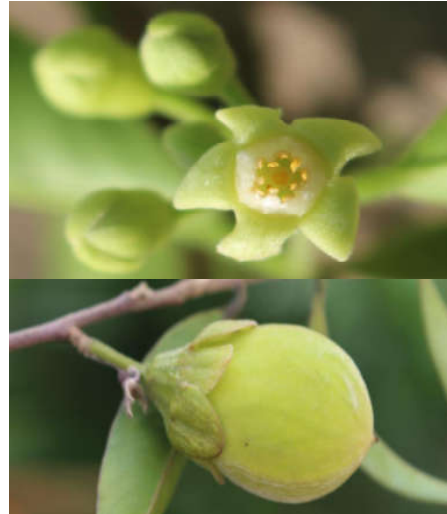
Nưa chân vịt

Tacca palmata Blume



Bình vôi

Stephania rotunda Lour.



Dó bầu

Aquilaria crassna Pierre ex Lecomte

Hình 3. Một số loài cây thuốc quý hiếm tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

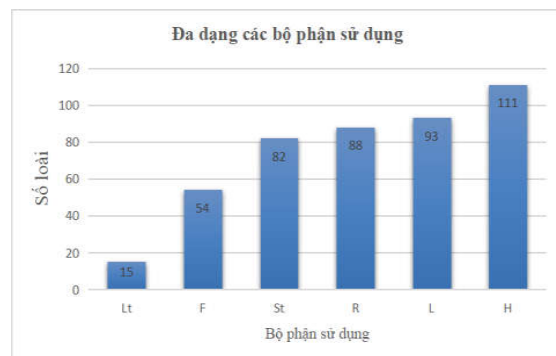
Ngoài ra còn ghi nhận được ở Kiên Lương có 54 loài có tiềm năng khai thác đặc biệt một số loài như: Dây Gấm (*Gnetum montanum* Markgr.), Ráng ỏ phụng (*Asplenium nidus* L.), Bông bông dẹo (*Lygodium flexuosum* (L.) Sw.), Minh ty đơn (*Aglaonema simplex* (Blume) Blume), Ô rô (*Acanthus ebracteatus* Vahl), Ô rô nước (*Acanthus ilicifolius* L.), Dây Thần thông (*Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.), Máu chó lá nhỏ (*Knema globularia* (Lam.) Warb.), Dây vác (*Cayratia trifolia* (L.) Domin), Bá bệnh (*Eurycoma longifolia* Jack subsp. *longifolia*)...

3.5. Đa dạng các bộ phận sử dụng cây thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

Kinh nghiệm sử dụng cây cỏ để phòng, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong y học cổ truyền cho thấy các bộ phận của cây thuốc được sử dụng vào nhiều mục đích sử dụng và hiệu quả về mặt dược tính cũng khác nhau tùy thuộc vào kinh nghiệm vận dụng của các thầy thuốc trong điều trị. Mỗi một loài có thể dùng toàn cây hoặc chỉ sử dụng một bộ phận (rễ hoặc thân, hoặc lá, hoặc hoa, hoặc quả...) trong điều trị hay phối hợp nhiều bộ phận của cùng một cây (vừa rễ vừa lá, hay rễ, thân, và quả...) hoặc phối hợp với nhiều loài khác nhau trong phần sử dụng của cây làm thuốc nhằm giúp sử dụng một cách hiệu quả nguồn tài nguyên dược liệu. Qua đó thấy được mức độ phong phú và đa dạng trong cách sử dụng thuốc ở nước ta từ đó góp phần định hướng trong nghiên cứu phân tích thành phần hóa học và

hoạt tính sinh học của các loài cây thuốc trong việc phòng và điều trị bệnh.

Dựa trên kết quả khảo sát điều tra và các tài liệu, được điển chuyên ngành, giá trị sử dụng các cây thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà đã tra cứu công dụng, thống kê bộ phận sử dụng của từng loài và chia thành 6 bộ phận sử dụng chính: cả cây (H), hoa/quả/hạt (F), thân/vỏ (St), lá/cành (L), rễ/rễ củ, củ (R) và nhựa/mủ (Lt). Kết quả nghiên cứu giá trị sử dụng cây thuốc được trình bày trong hình 4.



Hình 4. Đa dạng bộ phận sử dụng cây thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

Ghi chú: Một loài có thể sử dụng 1 đến nhiều bộ phận khác nhau

Hình 4 cho thấy nhóm cây thuốc sử dụng cả cây chiếm ưu thế với 111 loài chiếm 36,04%, nhóm sử dụng bộ phận lá/cành có 93 loài chiếm 30,19%, nhóm sử dụng rễ/rễ củ, củ là 88 loài chiếm 28,57%, nhóm sử dụng thân/vỏ (St) với số loài 82 loài chiếm 26,62%,

nhóm sử dụng hoa/quả/hạt (F) là 54 loài chiếm 17,53%, nhóm sử dụng nhựa mủ thấp nhất với 15 loài chiếm 4,87% so với tổng số loài cây thuốc đã điều tra.

3.6. Đa dạng về nhóm chữa bệnh

Bảng 5. Đa dạng về nhóm chữa bệnh của các cây thuốc tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà

STT	Nhóm bệnh	Số loài*	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh ngoài da	133	43,18
2	Bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu	132	42,86
3	Bệnh về đường hô hấp	104	33,77
4	Bệnh tê thấp, đau nhức, xương khớp	85	27,60
5	Bệnh về đường tiêu hoá	83	26,95
6	Bệnh phụ nữ	69	22,40
7	Bệnh đau đầu, cảm, sốt	66	21,43
8	Bệnh về mắt, tai, mũi, họng, răng	56	18,18
9	Bệnh lỵ	40	12,99
10	Bị động vật cắn	33	10,71
11	Trị giun, sán	31	10,06
12	Thuốc bổ dưỡng	31	10,06
13	Nhóm cây giải độc	30	9,74
14	Nhuận tràng	23	7,47
15	Thuốc ngủ, an thần, thần kinh	22	7,14
16	Bệnh dạ dày	18	5,84
17	Cầm máu	16	5,19
18	Bệnh tim mạch	9	2,92
19	Bệnh huyết áp	8	2,60
20	Bệnh lây qua đường sinh dục	6	1,95

*Ghi chú: *Một loài có 1 đến nhiều giá trị sử dụng khác nhau*

Mỗi cây thuốc có thể có nhiều công dụng khác nhau tùy thuộc vào kinh nghiệm sử dụng dược liệu để chữa bệnh, sẽ lựa chọn bộ phận sử dụng phù hợp đối với mỗi loại cây thuốc phối hợp với các vị thuốc khác nhau để làm tăng hiệu quả trong quá trình điều trị bệnh. Vì vậy, việc phân loại các nhóm bệnh của từng cây thuốc đã ghi nhận tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà rất cần thiết nhằm đánh giá mức độ phong phú về công dụng của từng loài. Theo kết quả thống kê đã chia thành 20 nhóm (tham khảo cách sắp xếp của Đỗ Tất Lợi, 2006; Võ Văn Chi, 2012), được sử dụng làm dược liệu, trong đó gồm 17 nhóm chữa bệnh khác nhau; 01 nhóm làm thuốc bổ dưỡng; 01 nhóm làm

thuốc ngủ, an thần, thần kinh và 01 nhóm cây giải độc (Bảng 5).

Trong 20 nhóm bệnh thì nhóm cây thuốc chữa bệnh ngoài da chiếm số lượng loài cao nhất 133 loài, chiếm 43,18%, kế đến nhóm các bệnh về gan, thận, mật và đường tiết niệu 132 loài, chiếm khoảng 42,86% và nhóm chữa bệnh đường hô hấp chiếm 104 loài, chiếm 33,77% đây là 3 nhóm bệnh có số lượng cây thuốc nhiều nhất. 3 nhóm bệnh có số cây thuốc ít nhất trong 20 nhóm lần lượt là nhóm chữa bệnh tim mạch với 9 loài, chiếm 2,92%, nhóm chữa huyết áp với 8 loài, chiếm 2,60% và nhóm các bệnh lây qua đường sinh dục có 5 loài, chiếm 1,95%.

4. KẾT LUẬN

- Nghiên cứu điều tra tại rừng Hòn Đất - Kiên Hà đã xác định được 308 loài cây thuốc thuộc 244 chi, 92 họ thuộc 4 ngành thực vật có giá trị làm thuốc đó là Dương xỉ (Polypodiophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta), ngành Dây Gắm (Gnetophyta) và ngành Tuế (Cycadophyta). Trong đó, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu thế vượt trội với 288 loài, chiếm khoảng 93,51%, 229 chi chiếm 93,85% thuộc 80 họ chiếm 86,96%.

- Đã ghi nhận 6 dạng sống của cây thuốc, chủ yếu là cây thân cỏ/thân thảo 104 loài (chiếm 33,77%), nhóm cây thân gỗ 82 loài (chiếm 26,62%), nhóm cây bụi/bụi trườn và nhóm cây thân leo thân gỗ và thân cỏ gần như tương đồng về số loài lần lượt là 59 loài (chiếm 19,16%) và 52 loài (chiếm 16,88%), nhóm thực vật phụ sinh với 7 loài (chiếm 2,27%), nhóm ký sinh chiếm tỷ lệ thấp nhất là 4 loài (chiếm 1,30%)

- Nhóm cây thuốc sử dụng cả cây chiếm ưu thế với số lượng loài lớn nhất là 111 loài, chiếm 36,04%, nhóm sử dụng bộ phận lá/cành có 93 loài, chiếm 30,19%, nhóm sử dụng rễ/rễ củ, củ là 88 loài, chiếm 28,57%, nhóm sử dụng thân/vỏ (St) với số loài 82 loài, chiếm 26,62%, nhóm sử dụng hoa/quả/hạt (F) là 54 loài, chiếm 17,53%, nhóm sử dụng nhựa mủ thấp nhất với 15 loài, chiếm 4,87% so với tổng số loài cây thuốc đã điều tra.

- Các loài cây thuốc tại đây có khả năng điều trị 20 nhóm bệnh khác nhau. Trong đó ba nhóm bệnh được chữa trị có số lượng loài nhiều nhất là bệnh ngoài da, thứ hai là bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu, xếp thứ 3 là nhóm điều trị bệnh về đường hô hấp.

- Đặc biệt, xác định được 11 loài thuộc 8 họ là những cây thuốc thuộc diện bảo tồn tại Việt Nam hiện nay trong đó có 7 loài cây thuốc quý hiếm nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) và 4 loài cây thuốc nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP nhằm hạn chế khai thác, buôn bán vì mục đích thương mại. Đồng thời xác định được 54 loài cây thuốc có tiềm năng khai thác.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện từ sự tài trợ kinh phí của chương trình Tây Nam bộ để thực hiện đề tài “Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam bộ [TNB.ĐT/14-19/C16]”. Các tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Chỉ đạo chương trình Tây Nam bộ, UBND tỉnh, Sở, Hội Đông y tỉnh Kiên Giang, Ban Quản lý Rừng Hòn Đất - Kiên Hà và người dân địa phương đã tạo điều kiện và hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện khảo sát nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam*. Phần II: Thực vật. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. *Danh lục Đỏ Việt Nam*. Phần II: Thực vật. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2019. Nghị định số 06/2019/NĐ - CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

4. Đỗ Tất Lợi 2006. *Cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Nguyễn Tập, 2019. Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2019. *Tạp chí Dược liệu*, 26 (6): 321-328.

7. Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000. *Cây cỏ Việt Nam*. NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, Quyển I, II, III.

8. Võ Văn Chi, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Viện Dược liệu, 2006. *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 109 trang.

10. Viện Dược liệu, 2016. *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1.191 trang.

11. International Plant Name Index, 2020: <https://www.ipni.org/> (truy cập 31/8/2020).

12. <http://www.theplantlist.org/> (truy cập 31/8/2020).

DIVERSITY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN HON DAT SPECIAL USE FORESTS - KIEN HA, KIEN LUONG DISTRICT, KIEN GIANG PROVINCE

Ngo Thi Minh Huyen, Ly Ngoc Sam, Cao Ngoc Giang, Tran Minh Ngoc, Tran Thi Lien, Nguyen Minh Hung, Nguyen Xuan Truong, Le Duc Thanh, Hoang Thi Nhu Nu

Summary

Kien Luong district has a diverse and abundant plant resources, including tropical forest ecosystems, coastal mangrove ecosystems, submerged forest ecosystems, coastal protection forests provide protection against erosion. The hilly and mountainous vegetation has created many natural landscapes and these forests are resident to a variety of rare and precious forest animals. In the past time, the research team have established 8 survey routes to diversify species composition, we have identified 308 medicinal species belong to 244 genera, 92 families, 4 division of vascular plants that is Magnoliophyta, Polypodiophyta, Gnetophyta and Cycadophyta. Seven of the identified species are listed in “Medicinal plants in Vietnam’s Red List”, “Vietnam Red Book” (2007) and 4 medicinal plants are in the Prime Minister’s Decree 06/2019/ND - CP aims to limit exploitation and trade for commercial purposes for the flora of Hon Dat - Kien Ha Special Use Forest.

Keywords: *Diversity of medicinal plant, Kien Luong, medicinal, plant.*

Người phản biện: PGS.TS. Trần Hợp

Ngày nhận bài: 9/10/2020

Ngày thông qua phản biện: 9/11/2020

Ngày duyệt đăng: 16/11/2020